

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Tài.

2. Ông Tô Đình Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1979

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đình C, sinh năm: 1975

Cùng trú tại: Đội 3, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Chị N có mặt, anh C đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2006. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C vũ phu, ích kỷ, không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè. Chị N đã cố gắng chịu đựng mong anh C có ngày thay đổi. Thế nhưng anh C vẫn không đổi mà ngày một hung hãn hơn. Đỉnh điểm vào tháng 11 năm 2017 anh C đe dọa chị ép buộc chị ký vào giấy bán nhà và không cho chị đi dạy nữa làm ảnh hưởng đến công việc mà

điều kiện nuôi sống bản thân chị cùng các con của chị. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án cho chị N được ly hôn với anh Bùi Đình C.

- Về con chung: Chị N khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Bùi Như Q, sinh ngày: 19/12/2006.

2. Bùi Đình Chấn K, sinh ngày: 15/5/2008.

Nguyên vọng của chị N nếu ly hôn xin được nuôi hai cháu Q và K và yêu cầu Tòa án buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng tự giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Bùi Đình C tại bản tự khai ngày 25/01/2018, anh C xin cho vợ chồng được đoàn tụ;

Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/01/2018 anh C thừa nhận có đánh đập vợ và mong vợ chồng được đoàn tụ làm ăn nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có;

Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2018 anh C thừa nhận có đánh đập vợ và mong vợ chồng được đoàn tụ làm ăn nuôi con. Anh C thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Bùi Như Q, sinh ngày: 19/12/2006 và Bùi Đình Chấn K, sinh ngày: 15/5/2008. Tài sản chung anh C yêu cầu tự giải quyết và nợ chung không có;

Tại biên bản hòa giải ngày 08/02/2018 anh C thừa nhận mâu thuẫn có đánh đập vợ và mong vợ chồng được đoàn tụ làm ăn nuôi con. Nếu ly hôn anh C mong muốn được nuôi cháu K. Tài sản chung anh C yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng.

Sau đó dù đã được triệu tập nhưng anh C không đến tòa án để cung cấp chứng cứ về tài sản chung. Anh C cố tình lẩn tránh, tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Tòa án chưa tiến hành xác minh thu nhập của anh C để có mức cấp dưỡng phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để xác minh thu nhập của anh Bùi Đình C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Bùi Đình C cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý,

giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Bùi Đình C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ. Các văn bản đã được niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Đình C là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 18/2006, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/5/2006. Sau khi kết hôn, chị N xác định vợ chồng sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C vũ phu, ích kỷ, không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè thường xuyên đánh đập vợ. Chị N đã cố gắng chịu đựng mong anh C có ngày thay đổi. Thế nhưng anh C vẫn không đổi mà ngày một hung hãn hơn. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án cho chị N được ly hôn với anh Bùi Đình C. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N xin được ly hôn với anh Bùi Đình C.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N anh C thống nhất có 02 con chung tên là: Bùi Như Q, sinh ngày: 19/12/2006 và Bùi Đình Chấn K, sinh ngày: 15/5/2008. Nguyên vọng của chị N nếu ly hôn xin được nuôi hai cháu cháu Q và K. Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật. Do bị đơn anh Bùi Đình C vắng mặt nên không thể biết nguyện vọng của anh C có thực sự mong muốn nuôi con hay không. Theo nguyện vọng của các cháu Q và K đều mong muốn được sống chung với mẹ. Để không ảnh hưởng đến môi trường sống của các cháu. Chị N có công việc làm ổn định, Hội đồng xét xử giao các cháu Q và K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị N là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Bùi Đình C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung là các cháu Bùi Như Q, sinh ngày: 19/12/2006 và Bùi Đình Chấn K, sinh ngày: 15/5/2008 cùng chị Nga mỗi cháu mỗi tháng 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng (Tương ứng với mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xét xử là: 1.390.000đồng/1 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi các cháu Q, K đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu về tài sản chung của anh Bùi Đình C, anh C không cung cấp chứng cứ về tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa anh C vắng mặt. Do vậy, anh C có quyền khởi kiện một vụ án khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N và anh C đều thừa nhận vợ chồng không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0020563 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh Bùi Đình C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 146; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam ngừng phiên tòa là không cần thiết Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Bùi Đình C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các cháu Bùi Như Q, sinh ngày: 19/12/2006 và Bùi Đình Chấn K, sinh ngày: 15/5/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

2.2. Buộc anh Bùi Đình C phải cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu Bùi Như Q, sinh ngày: 19/12/2006 và Bùi Đình Chấn K, sinh ngày: 15/5/2008 cùng chị N mỗi cháu mỗi tháng 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi các cháu Q, K đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh C không chịu thi hành thì hàng tháng anh C còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu về tài sản chung của anh Bùi Đình C, anh C không cung cấp chứng cứ về tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa anh C vắng mặt. Do vậy, anh C có quyền khởi kiện một vụ án khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị N và anh C đều thừa nhận vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0020563 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh Bùi Đình C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phùng Thành

